

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường,
đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 1013/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh đề nghị quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh; Báo cáo tham tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN	
ĐẾN	Số: 2001
	Ngày: 09.4.18
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp phí là các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền của tỉnh thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

b) Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh.

3. Mức thu phí:

a) Đối với trường hợp thẩm định lần đầu:

Số TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí đối với các nhóm dự án (triệu đồng)					
		1. Dự án công trình dân dụng	2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông)	3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi	4. Dự án giao thông	5. Dự án công nghiệp	6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5)
1	Đến 10	8,0	8,6	8,8	9,2	9,6	6,0
2	Trên 10 đến 20	12,5	13,0	13,5	14,0	15,0	9,0
3	Trên 20 đến 50	14,7	15,4	15,8	16,1	16,8	10,5
4	Trên 50 đến 100	26,2	26,6	27,3	28,7	30,1	18,9
5	Trên 100 đến 200	29,0	29,4	30,1	31,5	32,9	21,0
6	Trên 200 đến 500	37,8	38,5	39,2	41,3	43,4	27,3
7	Trên 500 đến 1.000	42,7	43,4	44,4	46,2	48,3	30,8

Số TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí đối với các nhóm dự án (triệu đồng)					
		1. Dự án công trình dân dụng	2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông)	3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi	4. Dự án giao thông	5. Dự án công nghiệp	6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5)
8	Trên 1.000 đến 1.500	45,5	46,9	48,0	50,4	52,5	33,6
9	Trên 1.500 đến 2.000	46,9	47,6	49,0	51,4	53,6	34,3
10	Trên 2.000 đến 3.000	49,0	49,7	51,1	53,2	55,3	35,7
11	Trên 3.000 đến 5.000	50,8	51,8	53,2	55,3	57,4	37,1
12	Trên 5.000 đến 7.000	53,9	54,6	56,0	58,8	60,9	39,2
13	Trên 7.000	58,8	60,2	61,6	64,4	67,2	42,7

b) Đối với trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng.

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết thu bằng tiền Việt Nam. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Tổ chức thu phí được để lại 80% trên tổng số phí thu được nhằm phục vụ công tác thẩm định và thu phí. Phần còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

5. Hàng năm, căn cứ vào số thu, các chi phí phát sinh năm trước liền kề và ước thực hiện năm kế hoạch, tổ chức thu lập dự toán chi cho công tác thu

phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, tổng hợp vào dự toán của đơn vị, gửi cơ quan tài chính thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phân bổ theo chế độ, định mức quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp bất thường thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và thay thế nội dung quy định về khung mức thu, mức thu tối đa phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, (TH.09) T.Duy.

160



Nguyễn Mạnh Hùng